

*
Số -KH/ĐU

Xã Hoàng Văn Thụ, ngày tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện Kế hoạch số 253-KH/TU ngày 15/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 115-KL/TW, ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế

Thực hiện Kế hoạch số 253-KH/TU ngày 15/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 115-KL/TW, ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế (sau đây viết tắt là Kế hoạch số 253-KH/TU, Kết luận số 115-KL/TW, Nghị quyết số 39-NQ/TW), Ban Thường vụ Đảng ủy xã Hoàng Văn Thụ xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức nghiên cứu, quán triệt sâu rộng Nghị quyết số 39-NQ/TW, Kết luận số 115-KL/TW đến các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn xã, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về vai trò, tầm quan trọng của việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế; thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp và phân đấu đạt được các mục tiêu cao nhất đã đề ra tại Kế hoạch số 253-KH/TU.

2. Đánh giá đúng, đầy đủ các nguồn nhân lực, vật lực, tài lực của xã và thực trạng quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực; tổ chức thực hiện, cụ thể hóa và triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 39-NQ/TW, Kết luận số 115-KL/TW; Kế hoạch số 253-KH/TU trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát, kiểm tra, kiểm soát đối với việc sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế, không để xảy ra thất thoát, lãng phí các nguồn lực và bảo vệ môi trường, để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của xã.

3. Việc tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, Kết luận số 115-KL/TW, Kế hoạch số 253-KH/TU phải phù hợp với tình hình thực tiễn của xã, đồng thời phát huy những ưu điểm, kết quả đạt được trong thời gian qua, kịp thời

chấn chỉnh, khắc phục những mặt còn hạn chế để tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 39-NQ/TW trong thời gian tiếp theo.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực truyền thống của nền kinh tế; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của xã; phát huy nguồn lực văn hóa, lịch sử, truyền thống, cảnh quan thiên nhiên, phát triển du lịch, kinh tế cửa khẩu gắn với phát huy giá trị văn hóa dân tộc, cảnh quan thiên nhiên, hình thành một số doanh nghiệp lớn có vai trò dẫn dắt trong các lĩnh vực là thế mạnh của xã, để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, phát triển đồng bộ, hài hòa giữa các ngành, lĩnh vực; đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân và bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; củng cố quốc phòng, an ninh, tăng cường đối ngoại trên địa bàn xã, nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2025 - 2030; tạo tiền đề, nền tảng, điều kiện cho tăng trưởng hai con số trong giai đoạn sau.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đối với nguồn nhân lực

- Đến năm 2025: Tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 36,1%; công nghiệp - xây dựng đạt 25,1%; dịch vụ đạt 38,8%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo **đạt 60%**; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ **đạt 25%**. Cân đối cung cầu nhân lực trong nền kinh tế, từng bước khắc phục tình trạng di cư lao động gắn với đẩy mạnh đào tạo lao động, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Đến năm 2030: Tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản khoảng 33,9%; công nghiệp - xây dựng khoảng 26,5%; dịch vụ khoảng 39,6%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo **đạt từ 76% trở lên**; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt **35% trở lên**. Đẩy mạnh khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; lực lượng lao động có kỹ năng đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành có hàm lượng khoa học công nghệ và giá trị gia tăng cao; chú trọng xây dựng đội ngũ nhân lực khoa học, công nghệ.

- Đến năm 2035: Tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản khoảng 31%; công nghiệp - xây dựng khoảng 28%; dịch vụ khoảng 41%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng 82%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 42%.

- Đến năm 2045: Tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và

thủy sản chiếm dưới 25%; công nghiệp - xây dựng khoảng 30%; dịch vụ chiếm khoảng 45%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng 92%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 52%.

2.2. Đối với nguồn vật lực

- Đến năm 2025: Xây dựng đồng bộ cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường. Quản lý, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản phù hợp với thực tế quy mô và hiệu quả đầu tư. Hình thành hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là hạ tầng giao thông cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại, giao thương hàng hóa. Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tư; Chủ động ngăn ngừa, hạn chế tình trạng suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên khoáng sản.

- Đến năm 2030: Thực hiện đồng bộ cơ chế, chính sách của tỉnh, quy định của pháp luật nhằm quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên. Khai thác tối đa quỹ đất sản xuất nông nghiệp; mở rộng diện tích đất khu dân cư; đưa vào khai thác hợp lý quỹ đất chưa sử dụng. Bảo vệ nguồn tài nguyên nước mặt và nước ngầm; kiểm soát tình hình ô nhiễm nguồn nước, đáp ứng nguyên tắc đa mục tiêu trong sử dụng nước, giảm thiểu tác động mưa lũ. Từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường, ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học, góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, đạt được các mục tiêu phát triển bền vững.

- Đến năm 2035: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống mạng quan trắc giám sát môi trường, các dự án công nghiệp xả thải lớn, giám sát khai thác tài nguyên. Bảo đảm hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội tương đối đồng bộ, liên kết, kết nối thuận tiện, nhanh chóng. Khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên khoáng sản để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Phát triển các khu, cụm công nghiệp, trung tâm logistics gắn với phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, theo hướng bền vững để hình thành các hệ sinh thái khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghiệp - đô thị thông minh, dịch vụ số.

- Đến năm 2045: Hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển liên kết đồng bộ và hiện đại; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc. Xã Hoàng Văn Thụ có nền kinh tế xanh, năng động trên các lĩnh vực năng lượng sạch, nông nghiệp, công nghiệp và du lịch.

2.3. Đối với nguồn tài lực

- Đến năm 2025: Thu nội địa bình quân hằng năm tăng 10%; chi ngân sách địa phương bình quân hàng năm tăng từ 4 - 5%.

- Đến năm 2030: Phần đầu thu nội địa bình quân hằng năm **tăng từ 10% trở lên**; thu tiền sử dụng đất đạt 10% thu nội địa hằng năm. Hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn xã.

- Đến năm 2035: Duy trì thu nội địa bình quân hằng năm tăng từ 10%; thu

tiền sử dụng đất đạt 10% thu nội địa hằng năm.

- Đến năm 2045: Duy trì, đảm bảo chi cân đối ngân sách địa phương; giữ ổn định thu tiền sử dụng đất đạt 10% thu nội địa hằng năm.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế

Cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thường xuyên quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, Kết luận số 115-KL/TW, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong tư duy, hành động, nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên; xác định nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế là nhiệm vụ thường xuyên cần thực hiện trong phát triển kinh tế - xã hội, để thực hiện mục tiêu phát triển trong "*Kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*".

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy; giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, Kết luận số 115-KL/TW; việc thể chế hóa chủ trương của Đảng; việc thực thi chính sách, pháp luật của Nhà nước trong việc quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế.

2. Đối với nguồn nhân lực

a) Nâng cao nhận thức, nghiên cứu đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách về phát triển, quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của phát triển nguồn nhân lực trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của xã.

- Khuyến khích đào tạo và thu hút người có trình độ chuyên môn cao về công tác tại xã. Thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác khoa học, công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Nghiên cứu, đề xuất ban hành chính sách hỗ trợ đào tạo các ngành nghề ưu tiên theo định hướng phát triển của tỉnh và nhu cầu thực tiễn của xã.

- Thực hiện chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển, theo định hướng của Trung ương và của tỉnh; các chính sách để nâng tỉ lệ sinh thay thế lên mức thay thế bền vững; chú trọng nâng cao chất lượng dân số, sức khỏe người dân cả về tâm vóc, tuổi thọ và tinh thần.

b) Đổi mới công tác quản lý, sử dụng, đào tạo nguồn nhân lực

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực du lịch, công nghiệp, dịch vụ, nhất là nhân lực lành nghề cho các khu, cụm công nghiệp, các ngành dịch vụ và lao động xuất khẩu, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới. Đẩy nhanh thực hiện đổi mới căn bản,

toàn diện giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá trong khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, sử dụng nền tảng học tập trực tuyến trong giáo dục và đào tạo.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp tổ chức bộ máy tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Sắp xếp lại mạng lưới các trường học bảo đảm phù hợp với yêu cầu phát triển trong thời gian tới. Đẩy mạnh quá trình trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị, tổ chức sự nghiệp công lập trong quản lý, sử dụng nhân lực.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động để giảm dần tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; đẩy mạnh việc đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo cho lao động nông thôn và các đối tượng chính sách khác, gắn đào tạo với giải quyết việc làm.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn xã. Nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; quan tâm, từng bước mở rộng giáo dục, đào tạo tiếng Trung Quốc, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh cho lao động của xã.

- Đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng quản trị cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý hợp tác xã và doanh nghiệp. Tổ chức các lớp cập nhật, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về quản trị, kinh doanh cho hợp tác xã, doanh nghiệp hiện có và thành lập mới. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia công tác đào tạo để phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao, tay nghề giỏi.

- Quan tâm công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho đối tượng là người dân tộc thiểu số, Nhân dân khu vực biên giới. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang công tác tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Phát triển thị trường lao động

- Phát triển thị trường lao động hoạt động hiệu quả; xây dựng và vận hành hệ thống thông tin thị trường lao động trên địa bàn xã, có cơ sở dữ liệu cung - cầu lao động; kết nối hệ thống các sàn giao dịch, giới thiệu việc làm và các điểm giao dịch việc làm trên cả nước. Áp dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và bước đầu ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào hoạt động của sàn giao dịch việc làm và phát triển thị trường lao động.

- Triển khai thực hiện cơ sở dữ liệu an sinh xã hội theo hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ xã hội trên nền tảng số. Thực hiện tốt các chính sách về lao động, việc làm, chủ động thích ứng với tình trạng già hóa dân số. Quản lý tốt di cư lao động.

- Phát triển nguồn lao động đảm bảo về số lượng, cơ cấu hợp lý, có chất lượng; có khả năng tiếp thu tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất lao

động; có khả năng làm việc trong môi trường công nghiệp.

3. Đối với nguồn vật lực

a) Đối với nguồn lực tài nguyên thiên nhiên

- Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách, pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Nâng cao công tác quản lý nhà nước về hoạt động khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; xây dựng cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường. Rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành các cơ chế, chính sách của tỉnh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường để phù hợp với yêu cầu phát triển và khả năng đáp ứng nguồn lực của xã.

- Tổ chức lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định, bảo đảm tài nguyên đất đai được phân bổ, cân đối hợp lý sử dụng cho các ngành, lĩnh vực và từng giai đoạn phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và bền vững.

- Rà soát diện tích đất đã giao, nhất là đất giao cho các tổ chức, doanh nghiệp; công khai việc sử dụng đất của các doanh nghiệp, đảm bảo sử dụng đất có hiệu quả, đúng mục đích. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp diện tích đất đã giao, cho thuê, nhưng doanh nghiệp không có khả năng quản lý, sử dụng, để xảy ra tranh chấp, lấn, chiếm, đang cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng, chuyển mục đích sử dụng đất... trái pháp luật. Hoàn thành việc giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các doanh nghiệp lâm nghiệp bàn giao về địa phương, trong đó ưu tiên đất cho đồng bào dân tộc thiểu số không có đất hoặc thiếu đất sản xuất, ổn định đời sống.

- Theo chức năng quản lý nhà nước rà soát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư sử dụng đất, kiên quyết chấm dứt hoạt động đầu tư đối với các dự án kém hiệu quả, chậm thực hiện, chậm đưa đất vào sử dụng, thiếu tính khả thi kiến nghị xử lý theo quy định.

- Đẩy mạnh điều tra, thăm dò đánh giá tiềm năng, trữ lượng khoáng sản, quy hoạch quản lý và khai thác khoáng sản. Tiếp tục thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; gắn khai thác với chế biến sâu khoáng sản tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao, tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương; phối hợp trong công tác thẩm định hồ sơ cấp phép hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp thực tế, gắn với thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học, nhất là công nghệ sinh học phục vụ phát triển nông nghiệp; sử dụng giống năng suất và chất lượng cao, quy trình kỹ thuật tiên tiến phục vụ phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ.

- Phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ che phủ rừng đạt và duy trì ổn định ở mức 61,04%. Tăng cường quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, gắn với bảo tồn đa dạng sinh

học, bảo vệ môi trường sinh thái. Tiếp tục thực hiện khai thác tiềm năng, lợi thế rừng và đất lâm nghiệp; trồng rừng theo chứng chỉ FSC; trồng rừng gỗ lớn; phát triển chuỗi liên kết trồng rừng với các nhà máy chế biến sâu sản phẩm gỗ. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phòng chống cháy rừng, chống phá rừng, suy giảm chất lượng rừng. Kiên quyết xử lý nghiêm các vi phạm, từng bước xóa bỏ tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

- Đa dạng hoá nguồn lực phòng, chống thiên tai, biến đổi khí hậu, thông qua việc đẩy mạnh xã hội hóa. Có cơ chế, chính sách tăng cường huy động vốn cho phòng, chống thiên tai, đảm bảo huy động nhanh, kịp thời nguồn lực của các cấp đáp ứng yêu cầu ứng phó khẩn cấp thiên tai. Triển khai thực hiện các giải pháp lưu giữ và sử dụng tiết kiệm các nguồn nước, ngăn chặn, xử lý kịp thời hành vi gây ô nhiễm đặc biệt là ô nhiễm nguồn nước, đất, không khí.

b) Đối với nguồn lực đầu tư, cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội

- Tăng cường huy động nguồn lực đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước tham gia đầu tư phát triển cơ sở vật chất và hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, quản lý chặt chẽ quy hoạch và tổ chức thực hiện các quy hoạch đã được phê duyệt, lấy quy hoạch làm công cụ chủ yếu để huy động và phân bổ các nguồn lực của nền kinh tế.

- Phối hợp thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và các quy hoạch quốc gia về năng lượng. Tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho các dự án hạ tầng năng lượng, hỗ trợ các nhà đầu tư về thủ tục pháp lý sớm khởi công và đưa vào vận hành các dự án điện gió trên địa bàn. Tăng cường các biện pháp tiết kiệm năng lượng và quản lý nhu cầu sử dụng điện.

- Nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư xây dựng. Phân công rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu trong xây dựng, quản lý thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư. Tiếp tục xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, kinh tế số, xã hội số để quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Tăng cường công tác thẩm định đầu tư, đặc biệt là các dự án đầu tư công, loại trừ ngay từ khâu thẩm định các dự án kém hiệu quả về kinh tế - xã hội. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát độc lập, trong đó có giám sát cộng đồng nhằm nâng cao chất lượng công trình. Phối hợp giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc, nhất là cơ chế, chính sách, thủ tục pháp lý, giải phóng mặt bằng, nguồn cung nguyên vật liệu để đẩy nhanh các dự án đầu tư công, dự án PPP, ODA để rút ngắn tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm để đưa vào khai thác sử dụng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội.

- Huy động nguồn lực ngoài ngân sách tập trung phát triển, hoàn thiện kết cấu hạ tầng cửa khẩu, tập trung vào phát triển kinh tế cửa khẩu Tân Thanh. Thực

hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng tạo mặt bằng sạch để đầu tư, trọng tâm là triển khai Đề án thí điểm xây dựng cửa khẩu thông minh, khu phi thuế quan,... tạo động lực thúc đẩy kinh tế cửa khẩu.

- Thực hiện có hiệu quả công tác cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh nhằm tạo điều kiện, ưu tiên, thu hút doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế lớn đến đầu tư, tổ chức sản xuất, kinh doanh vào các lĩnh vực phát triển hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đô thị, thương mại dịch vụ.

4. Đối với nguồn tài lực

- Tổ chức thực hiện nghiêm Luật Ngân sách nhà nước, tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách ở tất cả các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã. Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế phân cấp ngân sách theo Kết luận số 93-KL/TW, ngày 26/8/2024 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước.

- Đẩy mạnh phân cấp gắn trách nhiệm và quyền hạn của chính quyền cơ sở với việc thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước; cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng tăng tỷ trọng thu nội địa. Triển khai thực hiện quyết liệt các giải pháp thu ngân sách, thu đúng, thu đủ các khoản thu vào ngân sách nhà nước, quyết liệt thu nợ thuế trên địa bàn. Nuôi dưỡng nguồn thu, khai thác có hiệu quả nguồn thu mới nhất là thu từ tài sản, đất đai dồi dư sau sắp xếp, tổ chức bộ máy.

- Tăng cường công tác kiểm tra nhất là lĩnh vực chống thất thu, gian lận thương mại, chuyển giá, trốn thuế. Thực hiện các quy định về thuế đối với các hoạt động kinh doanh mới trên nền tảng số, thương mại điện tử.

- Điều hành chủ động, linh hoạt, giám sát chặt chẽ các khoản chi từ ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả và chống lãng phí; kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục cơ cấu chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng dần tỷ trọng chi đầu tư phát triển, bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa chi thường xuyên, chi đầu tư. Tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn, khắc phục triệt để tình trạng bố trí vốn dàn trải, kéo dài thời gian gây lãng phí, nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Đảm bảo bố trí chi ngân sách nhà nước cho hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường theo đúng quy định; huy động tối đa nguồn vốn của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động xử lý ô nhiễm môi trường; đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa lĩnh vực môi trường.

- Đổi mới cơ chế quản lý, cấp phát ngân sách nhà nước, tăng cường huy động sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính gắn với nhiệm vụ được giao và chất lượng hoạt động. Tổ chức thực hiện quản lý sử dụng tài sản công đảm bảo theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn liên quan. Nghiên cứu rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức, làm căn cứ để quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài sản công. Đẩy

manh thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập; xã hội hóa cung cấp các dịch vụ công.

5. Phát huy hiệu quả các nguồn lực mới tạo đột phá cho phát triển

a) Nguồn lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền nhằm nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ trong triển khai, thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW để tạo động lực mới và đột phá phát triển trong giai đoạn tới.

- Nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phải được xác định cụ thể trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương. Phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Triển khai sâu rộng phong trào "Bình dân học vụ số" đến cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp. Thúc đẩy các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Cụ thể hóa và triển khai các cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cơ cấu lại nguồn ngân sách chi sự nghiệp khoa học và công nghệ bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải; giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

- Triển khai thực hiện cơ chế hợp tác công tư để phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông, Internet. Tăng cường hợp tác về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

b) Nguồn lực văn hóa, lịch sử, truyền thống, cảnh quan thiên nhiên

Tập trung phát triển ngành du lịch. Đa dạng hóa loại hình du lịch văn hóa gắn với giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể.

- Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035. Thu hút các nguồn lực cho phát triển văn hóa, dịch vụ văn hóa; đẩy mạnh thực hiện cơ chế hợp tác công tư nhằm thu hút, khuyến khích các nguồn lực ngoài nhà nước tham gia phát triển văn hóa.

c) Nguồn lực thương hiệu quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm

- Tiếp tục khuyến khích phong trào khởi nghiệp, hỗ trợ, thúc đẩy phát triển

kinh tế tư nhân, bảo đảm khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận bình đẳng mọi cơ hội, các nguồn lực nhất là về vốn, đất đai, tài nguyên. Cụ thể hóa các cơ chế, chính sách phát triển đột phá khu vực kinh tế tư nhân theo Đề án của Trung ương, lấy kinh tế tư nhân làm động lực quan trọng nhất thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Thực hiện chiến lược thương hiệu quốc gia và cơ chế, chính sách khuyến khích, thúc đẩy các doanh nghiệp trên địa bàn xã xây dựng, phát triển thương hiệu của xã. Chú trọng phát triển sản xuất, các sản phẩm có thương hiệu đặc trưng của xã Hoàng Văn Thụ.

- Tạo mọi điều kiện, hỗ trợ để phát triển các doanh nghiệp có quy mô lớn, hình thành doanh nghiệp "đầu đàn" có vai trò dẫn dắt một số ngành, lĩnh vực trên địa bàn xã.

- Duy trì tốt việc tổ chức các hội nghị, cuộc gặp mặt, đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân, để tháo gỡ rào cản, khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tiếp tục phấn đấu nâng cao chỉ số xếp hạng năng lực cạnh tranh.

- Hỗ trợ chuyển đổi mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ, kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Hỗ trợ doanh nghiệp, doanh nhân khơi dậy tinh thần khởi nghiệp, nhất là trong các lĩnh vực mới; ưu tiên hỗ trợ phát triển doanh nhân nữ, doanh nhân trẻ, doanh nhân là người dân tộc thiểu số, doanh nhân hoạt động ở địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của doanh nhân trong cung ứng sản phẩm, dịch vụ bảo đảm chất lượng và giữ gìn uy tín, thương hiệu doanh nghiệp, thương hiệu của xã. Khuyến khích doanh nhân, doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm xã hội, tham gia tích cực các phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn, địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới trên địa bàn xã.

- Thúc đẩy hợp tác, liên kết, phối hợp, thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa doanh nhân, doanh nghiệp với công nhân, nông dân theo hướng xây dựng các mô hình sản xuất theo chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết số 39-NQ/TW, Kết luận số 115-KL/TW và Kế hoạch này đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân; xây dựng Kế hoạch thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị, tạo động lực phát triển bền vững kinh tế - xã hội của xã.

2. Ban Xây dựng Đảng

Chỉ đạo, định hướng thường xuyên công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; Nghị quyết số 39-NQ/TW, Kết

luyện số 115-KL/TW và Kế hoạch này để cán bộ, đảng viên, các doanh nghiệp, tổ chức, Nhân dân hiểu và thực hiện.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy chỉ đạo sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, Kết luận số 115-KL/TW theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương.

3. Đảng uỷ Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn căn cứ chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện Kế hoạch gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phối hợp với Đảng uỷ các cơ quan Đảng xã theo dõi, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ tổng hợp báo cáo Ban Thường vụ Đảng uỷ theo quy định.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tỉnh uỷ,
- Thường trực Đảng uỷ ,
- Thường trực HĐND xã,
- Ủy ban nhân dân xã,
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng uỷ,
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ xã,
- Lưu VT.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Vũ Văn Nhiên